

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số: 02/QuangQuan/2024

Tên tổ chức: CÔNG TY TNHH QUANG QUÂN

Địa chỉ: KCN Đồng Văn 1, Bạch Thượng, Thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

Điện thoại: 0226.2474363. Fax: 0226.3583050.

E-mail: congyquangquan@gmail.com.

CÔNG BỐ:

Sản phẩm: Khay nhựa PET

Xuất xứ: CÔNG TY TNHH QUANG QUÂN

Địa chỉ: KCN Đồng Văn 1, Bạch Thượng, Thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

Điện thoại: 0226.2474363. Fax: 0226.3583050.

E-mail: congyquangquan@gmail.com.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 02/QuangQuan/2024

I. Thông tin tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY TNHH QUANG QUÂN**

Địa chỉ: Khu công nghiệp Đồng Văn 1, Bạch Thượng, Thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

Điện thoại: 0226.2474363.

Fax: 0226.3583050.

E-mail: congtyquangquan@gmail.com.

Mã số doanh nghiệp: 0700252570 ; Ngày cấp lần 1: 19/03/2020

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Tổ chức không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định tại điểm e, khoản 1, điều 12 Nghị định số 15/2018-NĐ-CP của Chính phủ.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **Khay nhựa PET**

2. Thành phần: Hạt nhựa PET nguyên sinh, RPET, bột màu, hạt màu;

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 36 tháng kể từ ngày sản xuất;

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

Quy cách đóng gói: số lượng theo yêu cầu của khách hàng (phụ lục đính kèm).

Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói thành từng túi PE, có dán nhãn cho từng bao theo từng mã sản phẩm

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm

CÔNG TY TNHH QUANG QUÂN

Địa chỉ sản xuất 1: KCN Đồng Văn 1, Bạch Thượng, Thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam;

Địa chỉ sản xuất 2: KCN Đồng Văn 2, Duy Minh, Thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

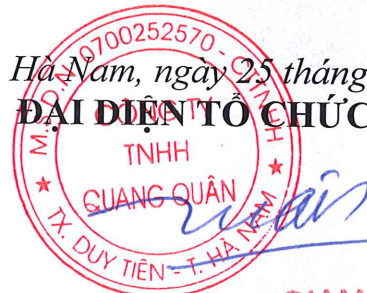
III. Mẫu nhãn sản phẩm: Mẫu nhãn sản phẩm theo phụ lục đính kèm

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Công ty TNHH Quang Quân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo: QCVN 12-1:2011/BYT, Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn vệ sinh về bao bì, dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm bằng nhựa tổng hợp.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Hà Nam, ngày 25 tháng 10 năm 2024
ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN



GIAM ĐOC
Nguyễn Thành Tuấn

Phụ lục 1: Mẫu nhãn sản phẩm


CÔNG TY TNHH QUANG QUÂN

Địa chỉ: KCN Đồng Văn 1, Bạch Thượng, Duy Tiên, Hà Nam

ĐT: 0226 247 4363 - 0226 358 3530



QCVN 12-1:2011/BYT

Tên hàng hóa: Khay nhựa PET

Mã sản phẩm	:		Số lượng:		Cái
Nơi sản xuất	:	Địa điểm 1 - KCN Đồng Văn 1, Bạch Thượng, Duy Tiên, Hà Nam ☐ Địa điểm 2 - KCN Đồng Văn 2, Duy Minh, Duy Tiên, Hà Nam ☐			
Ngày sản xuất	:				
Thời hạn sử dụng	:	36 tháng từ ngày sản xuất.			
Thành phần	:	Hạt nhựa PET nguyên sinh, RPET, bột màu, hạt màu.			
Thông số Kỹ thuật	:				
Hướng dẫn bảo quản	:	Bảo quản nơi khô ráo, không để nơi có nhiệt độ cao trên 60°C.			
Hướng dẫn sử dụng	:	Dùng để chứa, đựng thực phẩm (sử dụng một lần).			
Thông tin cảnh báo	:	Không sử dụng chứa các loại thực phẩm nóng trên 60°C.			
Sản phẩm phù hợp	:	QCVN 12-1:2011/BYT.			
Tự công bố số	:	02/QuangQuan/2024.			

Phụ lục 2: Mã sản phẩm

STT	Mã	Chỉ số sản phẩm đóng gói
1.	2TP5PETBD0001	1 Bao = 6.000 Cái
2.	2TP5PETBD0002	1 Bao = 5.000Cái
3.	2TP5PETBD0003	1 Bao = 5.000 Cái
4.	2TP5PETBD0004	1 Bao = 3.000 Cái
5.	2TP5PETBD0005	1 Bao = 2.000 Cái
6.	2TP5PETKH0007	1 Bao = 400 Cái
7.	2TP5PETKH0009	1 Bao = 200 Cái
8.	2TP5PETKH0011	1 Bao = 900 Cái
9.	2TP5PETKH0012	1 Bao = 250 Cái
10.	2TP5PETKH0013	1 Bao = 1.400 Cái
11.	2TP5PETKH0014	1 Bao = 600 Cái
12.	2TP5PETKH0015	1 Bao = 800 Cái
13.	2TP5PETKH0016	1 Bao = 2.000 Cái
14.	2TP5PETKH0018	1 Bao = 1,500 Cái
15.	2TP5PETKH0019	1 Bao = 1.600 Cái
16.	2TP5PETKH0022	1 Bao = 300 Cái
17.	2TP5PETKH0024	1 Bao = 500 Cái
18.	2TP5PETKH0025	1 Bao = 800 Cái
19.	2TP5PETKH0028	1 Bao = 500 Cái
20.	2TP5PETKH0029	1 Bao = 800 Cái
21.	2TP5PETKH0030	1 Bao = 1.000 Cái
22.	2TP5PETKH0031	1 Bao = 1,400 Cái
23.	2TP5PETKH0032	1 Bao = 3.500 Cái
24.	2TP5PETKH0034	1 Bao = 4.000 Cái
25.	2TP5PETKH0035	1 Bao = 6.000 Cái
26.	2TP5PETKH0036	1 Bao = 5.000 Cái
27.	2TP5PETKH0037	1 Bao = 2,000 Cái
28.	2TP5PETKH0038	1 Bao = 1,200 Cái
29.	2TP5PETKH0041	1 Bao = 2.000 Cái
30.	2TP5PETKH0042	1 Bao = 1,500 Cái
31.	2TP5PETKH0047	1 Bao = 120 Cái
32.	2TP5PETKH0054	1 Bao = 160 Cái
33.	2TP5PETKH0062	1 Bao = 480 Cái
34.	2TP5PETKH0072	1 Bao = 450 Cái
35.	2TP5PETKH0073	1 Bao = 1,000 Cái

STT	Mã	Chỉ số sản phẩm đóng gói
36.	2TP5PETKH0074	1 Bao = 600 Cái
37.	2TP5PETKH0079	1 Bao = 400 Cái
38.	2TP5PETKH0084	1 Bao = 300 Cái
39.	2TP5PETKH0089	1 Bao = 700 Cái
40.	2TP5PETKH0091	1 Bao = 210 Cái
41.	2TP5PETKH0099	1 Bao = 600 Cái
42.	2TP5PETKH0100	1 Bao = 1.600 Cái
43.	2TP5PETKH0102	1 Bao = 720 Cái
44.	2TP5PETKH0103	1 Bao = 2.200 Cái
45.	2TP5PETKH0104	1 Bao = 1.400 Cái
46.	2TP5PETKH0112	1 Bao = 160 Cái
47.	2TP5PETKH0115	1 Bao = 225 Cái
48.	2TP5PETKH0116	1 Bao = 400 Cái
49.	2TP5PETKH0117	1 Bao = 210 Cái
50.	2TP5PETKH0125	1 Bao = 1.000 Cái
51.	2TP5PETKH0127	1 Bao = 600 Cái
52.	2TP5PETKH0129	1 Bao = 1.000 Cái
53.	2TP5PETKH0131	1 Bao = 800 Cái
54.	2TP5PETKH0133	1 Bao = 600 Cái
55.	2TP5PETKH0141	1 Bao = 600 Cái
56.	2TP5PETKH0143	1 Bao = 400 Cái
57.	2TP5PETKH0144	1 Bao = 420 Cái
58.	2TP5PETKH0145	1 Bao = 170 Cái
59.	2TP5PETKH0146	1 Bao = 6 kg
60.	2TP5PETKH0147	1 Bao = 7,5 kg
61.	2TP5PETKH0148	1 Bao = 6.0 kg
62.	2TP5PETKH0149	1 Bao = 2.100 Cái
63.	2TP5PETKH0151	1 Bao = 1.200 kg
64.	2TP5PETKH0152	1 Bao = 10 kg
65.	2TP5PETKH0153	1 Bao = 6 kg
66.	2TP5PETKH0154	1 Bao = 8.5 kg
67.	2TP5PETKH0155	1 Bao = 12 kg
68.	2TP5PETKH0156	1 Bao = 10 kg
69.	2TP5PETKH0157	1 Bao = 7 kg
70.	2TP5PETKH0158	1 Bao = 200 Cái
71.	2TP5PETKH0159	1 Bao = 350 Cái
72.	2TP5PETKH0160	1 Bao = 1.000 Cái

STT	Mã	Chỉ số sản phẩm đóng gói
73.	2TP5PETKH0161	1 Bao = 1.000 Cái
74.	2TP5PETKH0162	1 Bao = 900 Cái
75.	2TP5PETKH0163	1 Bao = 2.000 Cái
76.	2TP5PETKH0165	1 Bao = 600 Cái
77.	2TP5PETKH0166	1 Bao = 1.800 Cái
78.	2TP5PETKH0167	1 Bao = 1.200 Cái
79.	2TP5PETKH0173	1 Bao = 640 Cái
80.	2TP5PETKH0174	1 Bao = 100 Cái
81.	2TP5PETKH0175	1 Bao = 400 Cái
82.	2TP5PETKH0176	1 Bao = 400 Cái
83.	2TP5PETKH0177	1 Bao = 1.000 Cái
84.	2TP5PETKH0178	1 Bao = 600 Cái
85.	2TP5PETKH0179	1 Bao = 40 Cái
86.	2TP5PETKH0180	1 Bao = 750 Cái
87.	2TP5PETKH0181	1 Bao = 900 Cái
88.	2TP5PETKH0182	1 Bao = 400 Cái
89.	2TP5PETKH0185	1 Bao = 300 Cái
90.	2TP5PETKH0186	1 Bao = 450 Cái
91.	2TP5PETKH0187	1 Bao = 300 Cái
92.	2TP5PETKH0188	1 Bao = 160 Cái
93.	2TP5PETKH0189	1 Bao = 700 Cái
94.	2TP5PETKH0190	1 Bao = 225 Cái
95.	2TP5PETKH0191	1 Bao = 7 kg
96.	2TP5PETKH0192	1 Bao = 300 Cái
97.	2TP5PETKH0193	1 Bao = 5 kg
98.	2TP5PETKH0194	1 Bao = 200 Cái
99.	2TP5PETKH0196	1 Bao = 160 Cái
100.	2TP5PETKH0198	1 Bao = 6 kg
101.	2TP5PETKH0199	1 Bao = 10 kg
102.	2TP5PETKH0200	1 Bao = 100 Cái
103.	2TP5PETKH0201	1 Bao = 320 Cái
104.	2TP5PETKH0202	1 Bao = 320 Cái
105.	2TP5PETKH0204	1 Bao = 7 kg
106.	2TP5PETKH0205	1 Bao = 400 Cái
107.	2TP5PETKH0299	1 Bao = 8.5000 kg
108.	2TP5PETKH0300	1 Bao = 120 Cái
109.	2TP5PETKH0301	1 Bao = 3,000 Cái

STT	Mã	Chỉ số sản phẩm đóng gói
110.	2TP5PETKH0302	1 Bao = 600 Cái
111.	2TP5PETKH0303	1 Bao = 1,200 Cái
112.	2TP5PETNA0000	1 Thùng = 2.400 Cái
113.	2TP5PETNA0001	1 Bao = 500 Cái
114.	2TP5PETNL0001	1 Thùng = 1.000 Cái
115.	2TP5PETNL0004	1 Thùng = 2.000 Cái
116.	2TP5PETNL0005	1 Thùng = 2.000 Cái
117.	2TP5PETNL0006	1 Thùng = 1.000 Cái
118.	2TP5PETNL0007	1 Bao = 2.000 Cái
119.	2TP5PETNL0009	1 Thùng = 2.000 Cái
120.	2TP5PETTT0000	1 Bao = 1,200 Cái
121.	2TP5PETTT0001	1 Bao = 1,350 Cái
122.	2TP5PETTT0002	1 Bao = 1,350 Cái
123.	2TP5PETTT0003	1 Bao = 1,200 Cái
124.	2TP5PETTT0004	1 Bao = 1,200 Cái
125.	2TP5PETTT0005	1 Bao = 2.000 Cái
126.	2TP5PETTT0007	1 Bao = 2,000 Cái
127.	2TP5PETTT0011	1 Bao = 2,700 Cái
128.	2TP5PETTT0012	1 Bao = 1,800 Cái
129.	2TP5PETTT0014	1 Bao = 1,800 Cái
130.	2TP5PETTT0018	1 Bao = 2.500 Cái
131.	2TP5PETTT0019	1 Bao = 1,200 Cái
132.	2TP5PETTT0024	1 Bao = 2,500 Cái
133.	2TP5PETTT0025	1 Bao = 1,800 Cái
134.	2TP5PETTT0029	1 Bao = 300 Cái
135.	2TP5PETTT0030	1 Bao = 300 Cái
136.	2TP5PETTT0031	1 Bao = 200 Cái
137.	2TP5PETTT0032	1 Bao = 300 Cái
138.	2TP5PETTT0034	1 Bao = 500 Cái
139.	2TP5PETTT0036	1 Bao = 1,500 Cái
140.	2TP5PETTT0037	1 Bao = 1,800 Cái
141.	2TP5PETTT0038	1 Bao = 1,500 Cái
142.	2TP5PETTT0039	1 Bao = 10,5000 kg
143.	2TP5PETTT0040	1 Bao = 2.000 Cái
144.	2TP5PETTT0041	1 Bao = 1,500 Cái
145.	2TP5PETTT0042	1 Bao = 1,500 Cái
146.	2TP5PETTT0043	1 Bao = 800 Cái

STT	Mã	Chỉ số sản phẩm đóng gói
147.	2TP5PETTT0044	1 Bao = 1,500 Cái
148.	4TP5PETKH0303	1 Thùng = 460 Cái
149.	4TP5PETKH0304	1 Thùng = 330 Cái
150.	4TP5PETLY0003	1 Thùng = 1,000 Cái
151.	4TP5PETNL0004	1 Thùng = 2.000 Cái
152.	4TP5PETNL0005	1 Thùng = 2,000 Cái
153.	4TP5PETNL0008	1 Thùng = 1,000 Cái
154.	4TP5PETNL0009	1 Thùng = 2.000 Cái



Số/Nº: 24/TN4/1436/02

Trang/Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

1. Tên mẫu thử/ Name of sample: Khay PET
2. Khách hàng/ Customer: Công ty TNHH Quang Quân
3. Số lượng mẫu/ Quantity: 10 cái
4. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 30/07/2024
5. Tình trạng mẫu/ Status of sample: Mẫu trong túi nilon
6. Thời gian thử nghiệm/ Test duration: Từ ngày/ From: 30/07/2024 đến ngày/ To: 14/08/2024
7. Ngày hoàn thành/Completion date: 14/08/2024

STT Item	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test methods	Mức tham khảo Limits (**)	Kết quả Results
1	Hàm lượng Chì	µg/g	QCVN 12-1:2011/BYT + ICP MS	< 100	KPH (LOD =1,0)
2	Hàm lượng Cadimi	µg/g	„	< 100	KPH (LOD =1,0)
3	Hàm lượng cặn khô: Điều kiện ngâm: (*)		QCVN 12-1:2011/BYT		
	. 60°C, 30 phút, trong nước	µg/ml	„	≤ 30	KPH (LOD =5,0)
	. 60°C, 30 phút, trong axit axetic 4%	µg/ml	„	≤ 30	< 15,0 (LOQ =15,0)
	. 60°C, 30 phút, trong etanol 20%	µg/ml	„	≤ 30	KPH (LOD =5,0)
	. 25°C, 60 phút, trong n-heptan	µg/ml	„	≤ 30	KPH (LOD =5,0)
4	Tổng kim loại nặng qui ra Pb (Điều kiện thử nghiệm: 60°C, 30phút trong axit axetic 4%)	µg/ml	QCVN 12-1:2011/BYT	≤ 1,0	< 1,0
5	Lượng KMnO ₄ sử dụng: (*) (Điều kiện thử nghiệm: 60°C, 30phút trong nước)	µg/ml	QCVN 12-1:2011/BYT	≤ 10	KPH (LOD =1,0)
6	Hàm lượng Sb (Điều kiện thử nghiệm: 60°C, 30 phút trong axit axetic 4%)		QCVN 12-1:2011/BYT + ICP MS	≤ 0,05	KPH(LOD = 0,01)
7	Hàm lượng Ge (Điều kiện thử nghiệm: 60°C, 30 phút trong axit axetic 4%)	µg/ml	nt	≤ 0,1	KPH(LOD = 0,01)

KPH: không phát hiện

(*): Chỉ tiêu đã được công nhận VILAS

(**): Mức tham khảo: QCVN12-1:2011/BYT- Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm

TRƯỞNG PHÒNG
THỬ NGHIỆM THỰC PHẨM
Head of Lab

Nguyễn Trần Quân

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2024

GIÁM ĐỐC

Director

PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Châm

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test results is value only for samples taken by customer.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 24/TN4/1436/02

Trang/Page: 2/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

